

Bản án số: **92/2021/HS-ST**

Ngày: **10/11/2021**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Thanh Chung và ông Vũ Xuân Dự.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Trương Minh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2021/TLST-HS, ngày 14/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXXST-HS ngày 27/10/2021 đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn N;** Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1981. Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và cư trú: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo.

Bố đẻ: Trần Văn V sinh năm 1953; Mẹ đẻ: Vũ Thị L sinh năm: 1955; Gia đình có 4 anh, em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Trần Thị M sinh năm: 1984; Con: có 04 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/7/2021 đến nay (Có mặt)

**2. Nguyễn Văn T,** Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1985. Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và cư trú: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo.

Bố đẻ: Nguyễn Văn T1 sinh năm 1950; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H sinh năm 1955; Gia đình có 6 anh, chị, em; bị cáo là con thứ tư. Vợ: Tô Thị T2 sinh năm 1986; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/7/2021 đến nay (Có mặt).

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Duy H1, sinh năm 1989; địa chỉ: xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình ( Vắng mặt).

- **Nguyên đơn dân sự:** Phòng khám đa khoa khu 4; người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Văn T3, trưởng phòng khám ( Vắng mặt).

- **Người làm chứng:** Chị Vũ Thị Hồng T4, Trần Thị N1, Trần Thị M và Phạm Thị S; anh Phan Văn T5, Vũ Văn T6, Phạm Văn M1, Nguyễn Văn H2, Phạm Văn T7 và Trần Đăng C( Điều vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 20 phút ngày 30/4/2021 anh Nguyễn Văn H2 khi uống rượu cùng Trần Văn T và Nguyễn Văn N tại quán thịt chó Tô Gia thuộc xóm 9, xã C, huyện K đã bị ngất; nên N, T cùng anh Phan Văn T5 là chủ quán, đã đưa anh H2 đến cấp cứu tại Phòng khám đa khoa khu 4 đặt tại xóm 9, xã C, huyện K cách quán khoảng 60m. Tại phòng khám các nhân viên y tế là chị Trần Thị N1 và chị Vũ Thị Hồng T4 tiếp nhận bệnh nhân H2; sau khi thăm khám, chị T4 và chị N1 đề nghị N và T đưa anh H2 lên bệnh viện tuyến trên để điều trị; N và T không đồng ý và cũng không cho chị Trần Thị M là vợ N điều khiển ô tô chở anh H2 đi cấp cứu ở tuyến trên. Khoảng 00 giờ 45 phút cùng ngày tại Phòng khám đa khoa Tiểu khu 4; N và T cùng có hành vi hò hét, quát tháo và chửi bới nhân viên y tế là chị N1 và chị T4; N còn có hành động yêu cầu nhân viên y tế khám lại nhiều lần cho anh H2, dùng tay xô đẩy họ, giật khẩu trang của chị T4 đang đeo; T còn có hành động lột chiếu trên giường bệnh của buồng cấp cứu ném vào góc buồng; Chị N1 giải thích cho N và T chấm dứt hành vi không được nên đã điện thoại trình báo vụ việc đến lực lượng Công an xã C, huyện K.

Sau khi nhận được thông tin công an xã C, huyện K cử hai công an viên là Trần Đăng C và Nguyễn Duy H1 đến Phòng khám đa khoa khu 4 để giải quyết sự việc. Khi lực lượng công an xã C đến khu vực phòng khám khoảng 00 giờ 55 phút, lúc này N và T vẫn có thái độ hung hăng, hò hét, chửi bới, xúc phạm lực lượng Công an và nhân viên y tế.

Khi được Công an xã C giải thích và yêu cầu N và T chấm dứt hành vi thì N có hành vi xô đẩy ông C và ông H1 nhiều lần; quá trình xô đẩy N làm đứt 01 cúc áo quân phục của ông H1, còn làm ông H1 rách da, chảy máu vùng trán, hất rơi xuống nền nhà điện thoại của ông Công đưa ra định ghi lại sự việc. Trong lúc N và ông H1 xô xát thì T vẫn hò hét, chửi bới còn dùng tay đâm vỡ 01 ô cửa kính có kích thước (45 x 18 x 0,4)cm trên cửa ra vào buồng cấp cứu của phòng khám. Sau đó cả N và T tiếp tục chửi bới, hò hét và lao vào vật lộn với nhau đến khoảng 01 giờ 20 phút cùng ngày thì dừng lại và được người thân đưa về nhà, anh H2 được đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện K điều trị.

Sau khi sự việc xảy ra, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã C, Phòng khám đa khoa khu 4, Công an xã C, đại diện quần chúng nhân dân xóm 9, xã C đã có văn bản đề nghị Cơ quan công an xử lý nghiêm minh hành vi của Trần Văn N và Nguyễn Văn T làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn.

Thu giữ tại hiện trường: 01 cúc áo kim loại màu vàng, đường kính 1,5cm, mặt sau cúc có sợi chỉ màu xanh lục; 01 cúc áo bằng nhựa màu xanh có đường kính 1,2 cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen kèm theo ốp lưng màu đỏ, bên trong ốp kẹp 01 tờ tiền giấy nước ngoài; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu xám đen, BKS: 35K1-192.06. Thu giữ 02 video trích xuất từ hệ thống camera an ninh của phòng khám ghi nhận diễn biến sự việc được lưu trữ trong 01 đĩa DVD ký hiệu M1 niêm phong gửi trưng cầu giám định.

Tại bản kết luận giám định số 646/KLGD-PC09-KTS&ĐT ngày 24/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: “*Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 02 tệp tin video lưu trữ trong đĩa DVD gửi giám định.*”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 30/HĐĐG ngày 05/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: “*Thiệt hại của cánh cửa ra vào buồng cấp cứu phòng khám đa khoa tiểu khu 4 là một ô kính trong suốt kích thước (45 x 18 x 0,4)cm có giá trị là 140.000 đồng.*”

Đối với thiệt hại là 01 ô cửa kính buồng cấp cứu của phòng khám đa khoa tiểu khu 4 đã được Nguyễn Văn T tiến hành sửa chữa, thay thế ô cửa kính bị vỡ. Đại diện phòng khám đa khoa khu tiểu khu 4 không yêu cầu N và T phải bồi thường gì thêm. Ngày 15/8/2021 Trần Văn N đã tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn Duy H1 số tiền 2.000.000 đồng là chi phí thuốc men, điều trị. Ông H1 đã nhận đủ số tiền và không có ý kiến đề nghị gì khác.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp gồm: 01 cúc áo kim loại cho ông Nguyễn Duy H1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen cho Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen kèm theo ốp lưng kẹp 01 tờ tiền giấy nước ngoài cho anh Nguyễn Văn H2; 01 xe mô tô và 01 cúc áo bằng nhựa màu xanh cho Trần Văn N.

01 phong bì niêm phong ký hiệu M1 bên trong có 01 đĩa DVD lưu trữ 02 video trích xuất từ hệ thống camera an ninh của phòng khám đa khoa tiểu khu 4 được chuyển cùng hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 87/CT-VKS ngày 13/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn T về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b Khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn T về tội “Gây rối trật tự công cộng”

+ Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 27 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 54 đến 60 tháng.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 24 đến 27 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/NQUBTVQH14. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn T khai nhận: đêm ngày 29/04/2021 các bị cáo có đi uống rượu cùng anh Nguyễn Văn H2 tại quán thịt chó Tô Gia thuộc xóm 9, xã C, huyện K; khi uống rượu anh H2 đã bị ngất; nên các bị cáo cùng chủ quán đưa anh H2 đi cấp cứu tại phòng khám đa khoa khu 4 đặt tại xóm 9, xã C. Do uống nhiều rượu nên các bị cáo không nhớ mình đã làm gì tại khu vực phòng khám; tuy nhiên sau khi tỉnh rượu vào ngày hôm sau được người quen cho biết đêm trước uống rượu mất kiểm soát đã có hành vi quậy phá tại phòng khám tiểu khu 4; khi được cơ quan công an cho xem 02 video trích xuất từ hệ thống camera an ninh của phòng khám khu 4 ghi nhận diễn biến sự việc hành vi của mình đã thực hiện vào rạng sáng ngày 30/04/2021 thì các bị cáo đều thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật của mình như nội dung vụ án của tòa án đã nêu. Các bị cáo không có ý bào chữa, không có ý kiến tranh luận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo không cố tình gây rối, hoàn cảnh gia đình nhiều con con còn nhỏ, giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo cải tạo tại địa phương để có điều kiện làm ăn chăm sóc nuôi dưỡng các con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh của các bị cáo:

[1.1] Bị cáo Trần Văn N xác nhận: từ 00 giờ 45 phút đến 01 giờ 20 phút ngày 30/04/2021 tại khu vực phòng khám đa khoa khu 4 đặt tại xóm 9, xã C, huyện K đã có hành vi: hò hét, chửi bới, đòi hỏi nhân viên y tế khám lại nhiều lần cho anh H2, dùng tay xô đẩy giật khấu trang của nhân viên y tế đang đeo khi làm nhiệm vụ. Khi được Công an xã giải thích và yêu cầu bị cáo chấm dứt hành vi gây rối; bị cáo vẫn tiếp tục hò hét, chửi bới, xúc phạm lực lượng Công an và nhân viên y tế; có hành vi xô đẩy hai công an viên làm nhiệm vụ nhiều lần; làm đứt 01 cúc áo quân phục, làm rách da, chảy máu, vùng trán của ông H1 hất điện thoại của ông C rơi xuống nền nhà khi định dùng ghi lại sự việc.

[1.2] Bị cáo Nguyễn Văn T xác nhận: từ 00 giờ 45 phút đến 01 giờ 20 phút ngày 30/04/2021 tại khu vực phòng khám đa khoa khu 4 đặt tại xóm 9, xã C, huyện K đã có hành vi: hò hét, dùng tay lột chiếu trên giường bệnh buồng cấp cứu ném vào góc buồng. Khi được Công an xã giải thích và yêu cầu bị cáo chấm dứt hành vi gây rối, bị cáo vẫn tiếp tục có thái độ hung hăng, hò hét, chửi bới, xúc phạm lực lượng Công an và nhân viên y tế. Trong lúc N và ông H1 xô đẩy, bị cáo vẫn hò hét, chửi bới, còn dùng tay phải nắm võ 01 ô cửa kính có kích thước (45 x 18 x 0,4) cm trên cửa ra vào buồng cấp cứu của phòng khám.

[1.3] Lời khai nhận của tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như: biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người làm chứng chị Vũ Thị Hồng T4, Trần Thị N1, Trần Thị M và Phạm Thị S; anh Phan Văn T5, Vũ Văn

T6,Phạm Văn M1, Nguyễn Văn H2, Phạm Văn T7 và Trần Đăng C; còn được chứng minh vật chứng thu giữ tại hiện trường và hình ảnh trích xuất từ clip do camera an ninh của phòng khám đa khoa khu 4 ghi lại.

[1.4] Đối với bị cáo Trần Văn N khi xô đẩy công an viên Nguyễn Duy H1 làm ông H1 bị rách vùng da trán chảy máu. Hành vi đó của bị cáo có dấu hiệu của tội “chống người thi hành công vụ” và “Cố ý gây thương tích”. Căn cứ các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì bị cáo không nhận thức được có lực lượng công an đến làm nhiệm vụ, hành vi của mình khi đó là chống người thi hành công vụ, do đó cơ quan điều tra xác định khách quan là “hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng” là tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo nên không xử lý bị cáo về tội “chống người thi hành công vụ” là có căn cứ. Về thương tích gây ra cho ông H1 rách da, chảy máu vùng trán, ông H1 từ chối giám định thương tích nên không có đủ căn cứ để xử lý về tội “Cố ý gây thương tích” đối với bị cáo N.

[1.5] Như vậy Hội đồng xét xử đã có đầy đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 00 giờ 45 phút đến 01 giờ 20 phút ngày 30/04/2021 tại khu vực phòng khám đa khoa khu 4 đặt tại xóm 9, xã C, huyện K. Các bị cáo Trần Văn N Nguyễn Văn T đã có hành vi hành vi hò hét, chửi bới, gây mất trật tự tại phòng khám đa khoa khu 4 đặt tại xóm 9, xã C, huyện K. Khi được Công an xã đến làm nhiệm vụ giải thích và yêu cầu các bị cáo chấm dứt hành vi gây rối, vẫn tiếp tục hò hét, chửi bới, xúc phạm lực lượng Công an và nhân viên y tế; Bị cáo N còn có hành vi xô đẩy hai công an viên làm nhiệm vụ nhiều lần; dùng tay phải túm cổ áo làm đứt 01 cúc áo quân phục của ông H1; quá trình xô đẩy N còn làm ông H1 rách da, chảy máu, vùng trán; bị cáo T còn có hành vi dùng tay đâm vỡ 01 ô cửa kính có kích thước (45 x 18 x 0,4) cm trên cửa ra vào buồng cấp cứu của phòng khám.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự; hành vi của các bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân Huyện K căn cứ hành vi của các bị cáo truy tố bị cáo Trần Văn N thuộc trường hợp “hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T thuộc trường hợp “có hành vi phá phách” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Điều 318 Bộ luật hình sự quy định tội “gây rối trật tự công cộng” như sau: “*Điều 318: Tội gây rối trật tự công cộng*

*1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

.....

*b) Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách;*

.....

đ) *Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng*”.

[2] Xét tính chất, mức độ phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ; làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, gây mất trật tự an ninh tại địa phương; Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[2.2] Các bị cáo do dùng rượu nên phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội do mình gây ra theo quy định tại Điều 13 BLHS

[2.3] Vụ án có hai bị cáo cùng tham gia phạm tội nhưng phạm tội độc lập, mang tính giản đơn không có tổ chức cấu kết. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy bị cáo N có nhiều hành vi quyết liệt hơn khi phạm tội nên tính chất mức độ hành vi độ phạm tội của bị cáo cao hơn bị cáo T, giữ vai trò chính.

[3] Tình tiết tăng nặng các bị cáo phải chịu, tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng:

[3.1] Tình tiết tăng nặng: các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng.

[3.2] Tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Văn N sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn Duy H1 số tiền 2.000.000 đồng được xác định tình tiết “*người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T sau khi phạm tội đã tự nguyện tiến hành sửa chữa, thay thế ô cửa kính bị vỡ của phòng khám đa khoa tiểu khu 4 tình tiết “*người phạm tội tự nguyện sửa chữa*” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân các bị cáo đều phạm tội lần đầu, chưa bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật, là lao động chính trong gia đình đông con và con còn nhỏ; được Hội đồng xét xử xác định là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về hình phạt đối với các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ quy định tại Điều 8 BLHS thì các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng do đó cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với cả hai bị cáo.

Căn cứ nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định tại Điều 3 BLHS thì thấy: hậu quả của hành vi phạm tội không lớn; sau khi phạm tội đã chủ động khắc phục thiệt hại; ăn năn về hành vi đã thực hiện.

Các bị cáo đều có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng vì vậy đủ điều kiện áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với thiệt hại là 01 ô cửa kính buồng cấp cứu của phòng khám đa khoa tiểu khu 4 đã được bị cáo Nguyễn Văn T tiến hành sửa chữa, thay thế ô cửa kính bị vỡ. Đại diện phòng khám đa khoa khu 4 không yêu cầu N và T phải bồi thường gì thêm.

Bị cáo Trần Văn N đã tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn Duy H1 số tiền 2.000.000 đồng là chi phí thuốc men, điều trị, tổn thất tài sản và tinh thần. Ông H1 đã nhận đủ số tiền và không có ý kiến đề nghị gì khác.

Do đó trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra Hội đồng xét xử không xem xét lại về vấn đề này.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 cục áo kim loại của ông Nguyễn Duy H1, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen của bị cáo Nguyễn Văn T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen kèm theo ốp lưng kẹp 01 tờ tiền giấy nước ngoài của anh Nguyễn Văn H2, 01 xe mô tô và 01 cục áo bằng nhựa màu xanh của bị cáo Trần Văn N; Trong quá trình điều tra cơ quan công an đã trả lại cho các chủ sở hữu, việc trả lại các vật chứng này của quan điều tra là đúng quy định pháp luật Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với 01 phong bì niêm phong bên trong chứa 01 đĩa DVD lưu trữ 02 đoạn video hình ảnh trích xuất từ clip do ca me ra an ninh của phòng khám đa khoa khu vực 4 ghi lại được lưu trong hồ sơ vụ án nay tiếp tục quản lý theo hồ sơ.

[7] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên cơ quan điều tra Công an huyện K và Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đúng quy định.

[8] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 135, 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Văn T phạm tội “ Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 318; các điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 65 BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Văn N 27 ( hai mươi bảy ) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 54 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 65BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 24 ( hai mươi bốn) tháng tù, tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**2. Xử lý vật chứng:** Áp dụng điều 106 BLTTHS và Điều 47 BLHS: Tiếp tục quản lý theo hồ sơ vụ án 01 phong bì niêm phong bên trong chứa 01 đĩa DVD lưu trữ 02 đoạn video.

**3. Án phí:** Căn cứ Điều 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/NQUBTVQH14; Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm .

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình (1);
- VKSND huyện K (2);
- THADS huyện K(1);
- Công an huyện K(3);
- Bị cáo (2);
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (1);
- UBND xã K (1)
- Nguyên đơn dân sự (1);
- Lưu: HS&VP (4);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Thế Anh**